TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7 - 2019
V/v ly hôn, Tr chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đ Việt

2. Ông Phùng Quốc Q

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm: 1994. Nơi ĐKHKTT: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm: 1988. Nơi ĐKHKTT: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Duy Đ. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Có mặt.

+ Bà Vũ Thị T, ông Trần Văn H1. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Có mặt.

+ Anh Lường Văn B. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Có mặt.

+ Anh Tòng Văn Tr. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

+ Hội phụ nữ bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đại diện: Bà Quàng Thị Q- Phó trưởng hội phụ nữ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năn 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H1 Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn T kết hôn với nhau từ năm 2013 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/09/2013. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ anh T tại bản ZZ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 6 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do anh chị thường xuyên vãi vã, không có tiếng nói chung, mặc dù chị H đã cố gắng chịu đựng nhưng sau thời gian dài anh T vẫn không sửa đổi mà thường xuyên đánh đập, chửi bới, chị không thể chịu đựng được. Anh T đã Kều lần làm cam kết sẽ sửa chữa nhưng sau đó vẫn có hành vi bạo hành với chị, có sử dụng hung khí đe dọa làm ảnh hướng đến sức khỏe, tính mạng chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh từ ngày 04/12/2018. Sau thời gian ly thân, anh T vẫn thường xuyên nhắn tin gọi điện quấy Kễu chửi bới chị. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Yến K, sinh ngày 11/12/2014. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị có một số tài sản chung là đồ vật trong gia đình gồm: 01 tủ lạnh, 01 tivi Panasonic 42ing, 01 bộ rèm, 01 máy lọc nước. Ngoài ra anh chị có cùng mua 01 mảnh đất nông nghiệp có diện tích 11.600m^2 tại bản ZZ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc do anh chị mua lại của ông Quàng Văn Hiêng, bản ZZ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn từ năm 2016. Chị có nguyện vọng không đề nghị chia tài sản chung, đối với mảnh đất nông nghiệp anh T là người sử dụng nên phải có trách Kệm trả khoản nợ đối với ông H1. Không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị có nợ anh Lường Văn B ở Bản Giàng, xã Mường Bằng 50.000.000đồng; nợ ông Tòng Văn Tr ở bản Tà Sa, xã Mường Bon 20.000.000đồng; nợ ông Trần Văn H1 ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 117.000.000đồng, nợ ông Nguyễn Duy Đ ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 27.500.000đồng, nợ hội phụ nữ bản ZZ 5.000.000đồng. Chị có nguyện vọng mỗi người sẽ chịu trách nhiệm một nửa khoản nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2019 và T bộ lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn T trình bày như sau:

Anh và chị Hà Thị H kết hôn với nhau từ năm 2013 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/09/2013.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do chị H không quan tâm chồng con, không tôn trọng chồng mà thường xuyên nói dối, anh T nghi ngờ chị về tình cảm nên vợ chồng có sảy ra to tiếng, cãi vã. Chị H tự ý bỏ về nhà ngoại sống. Anh chị ly thân từ 4/12/2018 đến nay. Anh đã lên xin bố mẹ cho anh đón chị H về nhưng chị H dứt khoát không về và muốn ly hôn. Anh nhận thấy sau khi sống ly thân tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với chị Hiền.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Yến K, sinh ngày 11/12/2014 hiện cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị Hiền phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị chỉ có 01 chiếc dây chuyền vàng ta 3 chỉ trị giá 11.600.000đồng, hoa tai vàng ta 1 chỉ trị giá 4.000.000đồng, 1 đôi vòng bạc trị giá 1.000.000đồng, 01 cài trâm tóc bạc 200.000đồng, 01 máy lọc nước. Ngoài ra không có tài sản gì có giá trị.

Anh không đồng ý mảnh đất nông nghiệp nhận chuyển nhượng lại của ông Quàng Văn Hiêng ở bản ZZ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn là tài sản chung vợ chồng mà cho rằng đó là đất của bố mẹ anh. Do ông Lò Văn L và bà Quàng Thị S (bố mẹ đẻ anh T) có nợ ông Quàng Văn Hiêng một số tiền nên có cho ông Hiêng thầu đất để trừ nợ. Sau đó vợ chồng anh mới vay tiền về để trả nợ cho ông Hiêng và chuộc lại đất cho bố mẹ anh.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị có nợ anh Lường Văn B ở Bản Giàng, xã Mường Bằng 50.000.000đồng; nợ ông Tòng Văn Tr ở bản Tà Sa, xã Mường Bon 20.000.000đồng; nợ ông Trần Văn Hà ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 117.000.000đồng, nợ ông Nguyễn Duy Đ ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 27.500.000đồng, nợ hội phụ nữ bản ZZ 5.000.000đồng. Anh T đồng ý chia đôi nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa bà Vũ Thị T, ông Trần Văn H1 trình bày: Gia đình ông bà có cho anh chị H T vay một khoản tiền là 117.819.000vnđ, việc vay mượn được diễn ra Kều lần tại gia đình ông. Khi vay có mặt hai vợ chồng anh chị H T, mục đích vay anh chị trình bày là để chuộc đất nương và lấy gạo ăn, chốt nợ ngày 21/9/2018. Từ ngày chốt nợ đến nay anh chị H T không thanh toán cho gia đình ông bà khoản tiền gốc và lãi nào. Nay Tòa án

giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh T, chị H đề nghị anh T chị H có trách nhiệm thanh toán T bộ tiền gốc là 117.819.000vnđ không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa anh Lường Văn B, chị Cà Thị Liên trình bày: Gia đình anh chị có cho anh chị H T vay số tiền 50.000.000VNĐ từ ngày 18/9/2017, thỏa thuận vay với lãi suất 2%/1 tháng, thời hạn trả nợ là tháng 12 năm 2017 sẽ thanh toán cả gốc và lãi. Khi vay có mặt cả hai vợ chồng anh chị H T, mục đích vay để đi chuộc đất, anh T có ký nhận nợ vào sổ vay nợ của gia đình anh. Tuy Kên đến nay anh chị H T chưa thực hiện trách nhiệm trả nợ cho gia đình anh. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh T, chị H đề nghị buộc anh T chị H có trách nhiệm thanh toán T bộ tiền gốc 50.000.000VNĐ không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa ông Nguyễn Duy Đ trình bày: Ngày 01/11/2018 ông có cho anh chị H T vay số tiền 27.500.000vnđ, thỏa thuận lãi suất 2%/1 tháng, vay không có thời hạn. Mục đích vay để chuộc đất, khi vay có mặt của cả hai vợ chồng, anh T là người ký nhận nợ tại sổ vay của gia đình ông. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh T, chị H đề nghị buộc anh T chị H có trách nhiệm thanh toán T bộ tiền gốc 27.500.000VNĐ và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2019 ông Tòng Văn Tr trình bày: Ông có cho vợ chồng H T vay tiền số tiền 20.000.000đồng lãi suất 2.5%/1 tháng không có thời hạn, mục đích vay tiền để làm ăn, việc vay nợ diễn ra tại nH1 ông. Cho đến nay vợ chồng H T không trả cho ông bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào. Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh T, chị H đề nghị buộc anh T chị H có trách nhiệm thanh toán T bộ tiền gốc 20.000.000VNĐ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể: đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (Bản ZZ, xã CHg Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La). Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vu án. Yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình ....

Đồng thời Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Phía bị đơn đã

được Tòa án giải thích nghĩa vụ chứng minh và nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng nhưng không thực hiện như: Không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, ông H1, anh B đã được tống đạt hợp lệ quyết định, giấy triệu tập của Tòa án đã có mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tr, đại diện hội phụ nữ bản ZZ vắng mặt có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 60, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H1 Thị H đối với anh Lò Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lò Yến K, sinh ngày 11/12/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh T có trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng cho ông Trần Văn H1 số tiền 117.819.000VNĐ.

Chị H có trách Kệm trả khoản nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ anh Lường Văn B số tiền 50.000.000vnđ; Nợ ông Tòng Văn Tr 20.000.000đ; nợ ông Nguyễn Duy Đ số tiền 27.500.000vnđ; Nợ Hội phụ nữ bản ZZ 5.000.000vnđ. Tổng nợ chung vợ chồng chị H có trách Kệm thanh toán là 102.500.000VNĐ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả Tr luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh T đều có Hộ khẩu thường trú tại Bản ZZ, xã CHg Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quá trình giải quyết vụ án, có Tr chấp với nhau về vấn đề ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Duy Đ, ông Tòng Văn Tr, ông Trần Văn H1, anh Lường Văn B và Hội phụ nữ bản ZZ là những người theo chị H và anh T xác định có nợ họ. Chị H, anh T có Tr chấp về việc thỏa thuận trả nợ cho những người trên nên Tòa án xác định và triệu tập tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, ông H1, anh B có mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tr, đại diện hội phụ nữ bản ZZ vắng mặt có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến H1nh phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn

[2.1] Về hôn nhân:

Chị H1 Thị H và anh Lò Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, anh chị đã được UBND xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/09/2013. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên sảy ra cãi vã, xô xát trong cuộc sống vợ chồng. Anh T có hành vi bạo lực đối với chị H. Anh T đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng anh T không sửa đổi. Anh T cho rằng chị H ham chơi không quan tâm đến gia đình và chồng con nên mới có xô xát sảy ra. Hai bên xác nhận nay đã không còn tình cảm gì với nhau nên đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 4/12/2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị H1 Thị H và anh Lò Văn T có một con chung là cháu Lò Yến K, sinh ngày 11/12/2014. Hai bên đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh T uống rượu say về không làm chủ được bản thân có H1nh vi đánh đập vợ. Sau khi chị H không thể chịu đựng được sự bạo lực trong gia đình đã bỏ về nH1 bố mẹ đẻ sinh sống,

thời gian ly thân chị H thường xuyên đến xin thăm gặp và đón con về chung sống nhưng đều bị anh T ngăn cản không cho tiếp xúc với con. Hơn nữa cháu K là con gái, hiện tuổi còn nhỏ xét thấy cả về thể chất, tâm sinh lý cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, chị H có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh T hiện công việc chính là làm nông nghiệp, anh không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu chứng minh về thu nhập và khả năng nuôi con của mình.

Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lò Yến K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án các đương sự không đề nghị phân chia tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt gia đình, trang sức sính lễ cưới, mà chị H thống nhất với anh T toàn bộ những tài sản sẽ do anh T trực tiếp quản lý và sử dụng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần tài sản chung trong vụ án mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung:

Các khoản nợ được các bên thừa nhận là nợ chung và có căn cứ xác định được sử dụng vào mục đích chung của gia đình sẽ được xác nhận là nợ chung của vợ chồng gồm:

- Nợ anh Lường Văn B ở Bản Giàng, xã Mường Bằng 50.000.000đồng;
- Nợ ông Tòng Văn Tr ở bản Tà Sa, xã Mường Bon 20.000.000đồng;
- Nợ ông Trần Văn H1 ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 117.000.000đồng,
- Nợ ông Nguyễn Duy Đ ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 27.500.000đồng;
- Nợ hội phụ nữ bản ZZ 5.000.000đồng.

Căn cứ vào ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn xác định trách nhiệm trả nợ của chị H, anh T như sau:

Chị H1 Thị H có trách nhiệm trả cho Hội phụ nữ bản ZZ, xã CHg Sung, huyện Mai Sơn 5.000.000vnđ, trả cho ông Tòng Văn Tr 20.000.000vnđ, trả cho anh Lường Văn B 50.000.000vnđ, trả nợ ông Nguyễn Duy Đ ở tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót 27.500.000đồng.

Anh Lò Văn T có trách nhiệm trả: Nợ ông Trần Văn H1 số tiền gốc 117.819.000vnđ.

Đối với các khoản nợ trên được xác lập trước ngày 01.01.2017, giữa bên vay và bên cho vay có thỏa thuận về lãi suất vượt quá quy định. Tuy nhiên trong quá trình xét xử các đương sự đã sửa đổi cách tính lãi suất đều phù hợp với quy

định của ngân hàng tại thời điểm vay nợ, do đó cần áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự buộc các đương sự thực hiện đúng quy định.

[2.5] Về các vấn đề khác: Đối với quyền sử dụng đất 01 mảnh đất nông nghiệp có diện tích 11.600m^2 tại bản ZZ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chị H là tài sản chung vợ chồng.

Qua quá trình điều tra xác minh xác định đất có nguồn gốc là của ông Lò Văn L và bà Quàng Thị S (bố mẹ đẻ anh Lò Văn T), do ông bà có vay của ông Quàng Văn Hiêng số tiền 130.000.000vnđ và cho ông Hiêng thầu đất với thời hạn 5 năm, giá thầu đất là 40.000.000vnđ. Hết thời hạn 5 năm, ông Hiêng yêu cầu đòi nợ số tiền còn lại là 90.000.000vnđ nhưng ông L, bà S không có tiền trả cho ông Hiêng. Ông Hiêng chuyển nhượng thầu đất cho ông H1 Văn Ón (bố đẻ chị H1 Thị H) với giá 90.000.000vnđ lập tH1nh giấy biên nhận thầu đất ký giữa ông Quàng Văn Hiêng và ông H1 Văn Ón. Nội dung thỏa thuận ông Ón là người nhận thầu đất từ ngày 20/02/2016 đến khi ông L có tiền trả cho ông Ón. Do đó không có căn cứ để xác định đây là tài sản chung của anh chị H T, nên Tòa án không có căn cứ xem xét giải quyết. Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.6] Về án phí, lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; 59; 60; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147; Điều 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26; điểm a, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị H đối với anh Lò Văn T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Yến K, sinh ngày 11/12/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả cho Hội phụ nữ bản ZZ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn 5.000.000VNĐ; trả cho ông Tòng Văn Tr 20.000.000VNĐ; trả cho anh Lường Văn B 50.000.000VNĐ; Trả nợ ông Nguyễn Duy Đ ở tiểu khu J 27.500.000VNĐ. Tổng nợ: 102.500.000VNĐ.

Anh Lò Văn T có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn H1 số tiền gốc 117.819.000VNĐ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi H1nh án có đơn yêu cầu thi H1nh án mà người có nghĩa vụ chưa thanh toán được số tiền trên, lãi suất do các bên tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận được mức lãi suất thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về nợ chung của vợ chồng phải thực hiện là 5.890.000VNĐ (Năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ và án phí về dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về nợ chung của vợ chồng phải thực hiện là: 5.125.000VNĐ. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng chẵn) đã nộp tại Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số AA/2013/0002121. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền là 5.125.000VNĐ (Năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Mường Bon;s
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Chơ